

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày 06 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Bà Phan Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu H (Hoàng Thị H) - sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị Nh có quan điểm trình bày như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau, nên ngày 18/9/2016 bà Hoàng Thị Nh có cho bà Hoàng Thị Thu H (Hoàng Thị H) vay số tiền 400.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng, do bà H khi vay nói là để đảo sổ nên không ghi thời hạn trả, nhưng thời hạn trả nợ khoảng từ 07 đến 10 ngày, còn lãi suất do hai bên tự thỏa thuận ngoài với nhau, đến tháng 11 năm 2016 bà H trả cho bà Nh số tiền 10.000.000 đồng và đến tháng 3 năm 2017 trả tiếp 100.000.000 đồng. Nay bà Nh yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng và tiền lãi, thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng. Đối với khoản tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến tháng 7 năm

2022 là 118.000.000đồng thì bà Nh rút yêu cầu. Theo bà Nh sau khi bà H trả nợ cho bà số tiền 100.000.000đ vào tháng 3 năm 2017 thì bà H đi Trung Quốc làm ăn và có nhắn tin về cho bà Nh, đến cuối tháng 10 năm 2021 bà H mới về nên bà Nh đến nhà hỏi nợ nhưng bà H không có trả. Nay bà yêu cầu bà H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho và và lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Thu H có quan điểm trình bày như sau:

Bà Hoàng Thị Thu H thừa nhận có vay của bà Nh số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 18/9/2016, mục đích vay để giúp đỡ cho bạn của bà H đảo sổ Ngân hàng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận trả ngoài nên không ghi vào giấy vay, số tiền vay được nhận một lần tại nhà bà Nh, giấy tờ vay là do bà H viết và ký nhận vào mục người vay. Sau khi vay tiền, hàng tháng bà H vẫn trả lãi đều cho Bà Nh, nhưng do khó khăn nên không trả lãi nữa. Khoảng cuối năm 2016 và đầu năm 2017 bà H đã trả cho bà Nh số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Năm 2018 bà H đi làm ăn tại Trung Quốc cho đến tháng 10/2021 thì mới về địa phương. Sau khi về thì bà Nh có đến hỏi nợ bà H nhưng gia đình khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà Nh. Nay bà thống nhất với số tiền nợ gốc mà bà Nh yêu cầu nhưng bà đề nghị với bà Nh cho bà trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, cò tiền lãi 1%/ tháng thì bà H không chấp nhận và xin bà Nh không tính lãi để tập trung trả nợ gốc.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; Các Điều 275, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của BLDS 2015.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi suất là 08 tháng.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền gốc và lãi phải thi hành. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên khởi kiện đối với bị đơn về nội dung xác lập giấy vay tiền vào ngày 18/9/2016 không có xác định thời hạn và không có lãi, việc khởi kiện được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Các đương sự có nơi cư trú tại huyện H, nên vụ án được thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Tại giấy vay tiền ngày 18/9/2016 bà Hoàng Thị Nh cho bà Hoàng Thị Thu H vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay hai bên có thiết lập vay nhưng không ghi lãi suất và không có thời hạn trả. Quá trình vay tiền bà Nh thừa nhận bà H đã trả được số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng vào tháng 11 năm 2016 và tháng 3 năm 2017, số tiền còn nợ lại là 200.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Năm 2018 khi bà H đi làm ăn xa, bà Nh có biết việc bà H đi nhưng các bên vẫn không xác lập giấy tờ gì để lại. Cuối tháng 10 năm 2021, bà Nh có đến hỏi nợ bà H, do kinh tế khó khăn nên bà H vẫn không trả được số tiền nợ trên. Như vậy, việc bà Nh khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ vay 200.000.000 đồng, theo giấy vay ngày 18/9/2016 là có căn cứ. Căn cứ thời điểm các bên xác lập hợp đồng là ngày 18/9/2016 ngày Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực. Tuy nhiên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là quan hệ vay tài sản không xác định thời hạn và không rõ lãi suất. Nay các bên có tranh chấp cần áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết. Do đó cần buộc bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nh số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn; Ngày 18/9/2016 các bên xác lập giấy vay tiền không xác định thời hạn và không rõ lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn có khai nại về việc tính lãi, tuy nhiên lãi suất mà các bên khai nại là không đồng nhất và có sự mâu thuẫn về mức lãi và số tiền trả lãi hàng tháng, nên không có đủ căn cứ xem xét về mức lãi mà bên vay khai nại. Mặt khác trong giấy vay tiền vào ngày 18/9/2016 các bên không thể hiện nội dung trả lãi nên lãi. Nên lãi suất suất chỉ phát sinh tính từ ngày liền kề của thời gian hợp lý, theo quy định tại Điều 469 của BLDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm, theo quy định trên thì thời gian hợp lý là không quá 03 tháng kể từ thời điểm bên cho vay báo trước cho bên vay biết số tiền nợ gốc quá hạn. Trong trường hợp này bà H và bà Nh khai, khoảng cuối tháng 10 năm 2021 bà Nh đến nhà bà H để hỏi nợ. Như vậy, việc hỏi nợ của bà Nh được coi là đã báo trước cho bà H biết để thực hiện nghĩa vụ. Do đó, thời gian hợp lý được tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/12/2021 là ngày kết thúc thời hạn của thời gian hợp lý, kể từ ngày 01/01/2022 bà H phải chịu tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và hướng dẫn tại Điều 2, khoản 2

Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng lẻ 09 ngày (làm tròn 08 tháng). Số tiền nợ gốc quá hạn chưa trả là 200.000.000đ x 10%/ năm:12 tháng = 0,83%/ tháng x 8 tháng = 13. 280.000đồng. Vì vậy, cần buộc bà H phải thanh toán cho bà Nh số gốc và tiền lãi. Tổng cộng 213.280.000 đồng.

[3.1]. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Nh rút yêu cầu tính lãi suất 01%/ tháng kể từ ngày 01/7/2017 đến 01/7/ 2022, số tiền tính lãi là 118.000.000 đồng. Nhận thấy, số tiền tính lãi 1%/ tháng là không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nhưng quá trình vay các bên không thỏa thuận rõ về lãi suất và có tranh chấp. Nay bà Nh rút yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện và phù hợp với pháp luật, nên Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Nh với số tiền như đã yêu cầu trong thời gian trên.

[4]. Về án phí dân sự: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Căn cứ khoản 3 Điều 144 của BLTTDS trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng 5% số tiền có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 275, khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 và khoản 1 Điều 688 của BLDS 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Nh đối với bị đơn bà Hoàng Thị Thu H.

2. Buộc bà Hoàng Thị Thu H (Hoàng Thị Hiền) phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Nh, tổng số tiền là 213.280.000đ (hai trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Hoàng Thị Nh đối với bà Hoàng Thị Thu H về khoản tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến 01/7/ 2022.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc bà Hoàng Thị Thu H (Hoàng Thị H) phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 10.664.000 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi tư

ngàn đồng). Trả lại cho bà Hoàng Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.950.000đ, theo biên lai thu số AA/2021/0009109 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bên phải thi hành án mà không tự nguyện thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án để thi hành, ngoài số tiền phải thi hành còn phải chịu mức lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện H;
- Các Đương sự;
- Chi cục THA DS Huyện H;
- Lưu HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi